TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 168/2025/HS-ST
Ngày: 26/12/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thanh Hiền;
2. Bà Lâm Thu Huệ.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Phương Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Ông Đào Minh Nguyên – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2025, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Khu vực 6, Thành phố Hồ Chí Minh đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 162/2025/TLST-HS ngày 28/10/2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 195/2025/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 11 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 105/2025/HSST-QĐ ngày 10 tháng 12 năm 2025 đối với các bị cáo họ và tên:

1. Phạm Anh T3, sinh năm 1981 tại Thành phố Hồ Chí Minh; hộ khẩu thường trú: A, ấp C, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã N, Thành phố Hồ Chí Minh); nơi cư trú: A, ấp C, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã N, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 1/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; con ông Phạm Văn M, sinh năm 1959 và bà Lê Ngọc A (đã chết); anh, chị em: 02 người; vợ: Ngô Thị Thu T, sinh năm 1981, có con là Phạm Thị Thu H, sinh năm 2000; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 16/01/1998, bị UBND Thành phố H ra Quyết định đưa vào trường giáo dưỡng trong thời hạn 24 tháng theo Quyết định số 33/QĐUB. Ngày 12/09/2013, bị công an huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định đưa vào trường giáo dưỡng trong thời hạn 24 tháng theo Quyết định số 162/QĐUB. Ngày 26/5/2020, bị TAND Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xử đưa vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc trong thời hạn 22 tháng theo Quyết định số 252/2020/QĐ-TA; bị cáo bị tạm giam từ ngày 26/01/2025 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Cao Thị Bé N, sinh năm 1989 tại Thành phố Hồ Chí Minh; hộ khẩu thường trú: 93, ấp B, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là ấp S, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh); nơi cư trú: 93, ấp B, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là ấp S, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 02/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; con ông Cao Văn X (đã chết) và bà Phạm Thị L (đã chết); anh, chị em: 04 người; có chồng là Lê Hoàng N1 (đã ly hôn) và có 04 người con (lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2022); tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 06/11/2019, bị TAND huyện Nhà Bè, Thành

phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm tù về tội "trộm cắp tài sản", theo Bản án số 52/2019/HSST, đã chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 23/8/2020 và đã nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm vào ngày 28/3/2020; bị cáo bị tạm giam từ ngày 26/01/2025 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

3. Trần Hoài N2, sinh năm 1995 tại Cà Mau; hộ khẩu thường trú: tổ A, ấp P, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai (nay là xã Đ, tỉnh Đồng Nai); nơi cư trú: B đường H, khu phố A, thị trấn N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã N, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: Làm hồ; trình độ văn hóa (học vấn): 01/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; con ông Trần Văn N3, sinh năm 1975 và bà Đỗ Thị Á, sinh năm 1980; anh, chị em: Không; bị cáo không có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giam từ ngày 26/01/2025 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

4. Phạm Hoàng S, sinh năm 1994 tại Thành phố Hồ Chí Minh; hộ khẩu thường trú: C ấp H, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã N, Thành phố Hồ Chí Minh); nơi cư trú: C ấp H, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã N, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; con ông Phạm Văn T1, sinh năm 1972 và bà Lê Thị Thúy L1, sinh năm 1974; anh, chị, em: 01 người; có vợ là Nguyễn Hưng Ngọc Cẩm U, sinh năm 1997 và con là Phạm Nguyên Hoàng T2, sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 20/9/2020, bị công an xã N, huyện N xử phạt vi phạm hành chính, bằng hình thức phạt tiền 750.000 đồng do có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, theo Quyết định số 0013087/QĐ-XPHC. Đến ngày 24/9/2020, S đã nộp phạt theo quy định; bị cáo bị tạm giam từ ngày 26/01/2025 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Những người tham gia tố tụng:

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Can Đ, sinh năm 1982; Địa chỉ: I ấp C, xã L, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã H, Thành phố Hồ Chí Minh). (vắng mặt)

- Bà Mai Thị Thùy D, sinh năm 1998; Địa chỉ: H N, Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai (nay là xã G, tỉnh Đồng Nai). (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 01/2024, bị cáo Phạm Anh T3 sống chung như vợ chồng với bị cáo Cao Thị Bé N tại nhà của bị cáo T3, số: 17/7B, ấp C, xã P, huyện N (nay là xã N), Thành phố Hồ Chí Minh. Cả 02 đều là người sử dụng ma túy loại Methamphetamine và C. Bị cáo T3 và bị cáo N thỏa thuận mua ma túy đá về sử dụng và bán lại cho người khác kiếm lời. Khi cần mua ma túy đá, bị cáo T3 và bị cáo N đến khu vực cầu P, Quận G gặp người đàn ông tên B (không rõ nhân thân, lai lịch) mua ma túy đá. Mỗi lần, mua 01 gói ma túy đá với giá từ 200.000 đồng -300.000 đồng và thanh toán tiền mặt. Ma túy mua của B, bị cáo T3 và bị cáo N cùng nhau sử dụng và bán lại cho người khác kiếm lời.

Quá trình mua bán trái phép chất ma túy, bị cáo T3 và bị cáo N đã bán cho bị cáo Trần Hoài N2 và bị cáo Phạm Hoàng S 02 lần vào ngày 09 và 12 tháng 01 năm 2025, mỗi lần 01 gói ma túy với giá 200.000 đồng; bán riêng cho N2 02 lần vào ngày 15 và 16 tháng 01 năm 2025, mỗi lần 01 gói ma túy với giá 200.000 đồng.

Ngoài bán ma túy cho bị cáo N2 và bị cáo S, bị cáo T3 và bị cáo N còn cùng nhau sử dụng ma túy tại chỗ ở nhiều lần. Ma túy do bị cáo T3 và bị cáo N cùng nhau

đi mua, bị cáo N bỏ ma túy vào nỏ đốt lên để bị cáo N và bị cáo T3 sử dụng; dụng cụ sử dụng ma túy do bị cáo N tự chế; ma túy để sẵn trên nỏ và ai sử dụng thì tự lấy. Ngoài ra, bị cáo T3 còn mua ma túy loại Cần sa của một người đàn ông tên H1 (không rõ nhân thân, lai lịch) tại hẻm N thuộc thị trấn N, huyện N để sử dụng cùng với bị cáo N.

Bị cáo Phạm Anh T3 còn khai nhận ngày 13 và 16 tháng 01 năm 2025 còn sử dụng ma túy cùng Nguyễn Can Đ tại nhà của bị cáo T3. Ma túy và dụng cụ sử dụng ma túy do bị cáo T3 cung cấp miễn phí cho Đ sử dụng.

Nguyễn Can Đ khai nhận phù hợp với lời khai của bị cáo Phạm Anh T3. Ma túy và dụng cụ sử dụng do bị cáo T3 cung cấp miễn phí cho Đ.

Cơ quan Cảnh sát điều tra khám xét khẩn cấp chỗ ở của bị cáo Phạm Anh T3 và bị cáo Cao Thị Bé N, phát hiện và thu giữ: 01 gói nylon chứa tinh thể, 01 chai nhựa có nắp màu đỏ gắn 01 đoạn ống hút nhựa và 01 đoạn ống thủy tinh; 01 chai nhựa có nắp màu xanh gắn 01 đoạn ống hút nhựa và 01 đoạn ống gỗ; 01 cái bật lửa; 01 đoạn ống hút có đầu nhọn; 01 cái kẹp bằng kim loại; 10 đoạn ống hút nhựa màu trắng; 16 vỏ túi nylon các loại và 100.000 đồng.

Bị cáo Trần Hoài N2 và bị cáo Phạm Hoàng S khai nhận mua ma túy phù hợp với lời khai của bị cáo Phạm Anh T3 và bị cáo Cao Thị Bé N. Bị cáo N2 và bị cáo S là bạn, đều là người sử dụng ma túy đá. Bị cáo N2 và bị cáo S đã 02 lần cùng nhau đi mua ma túy của bị cáo T3 và bị cáo N mang về phòng trọ của bị cáo N2 sử dụng vào ngày 09 và 12 tháng 01 năm 2025. Bị cáo Trần Hoài N2 còn một mình đi mua ma túy của bị cáo T3 và bị cáo N 02 lần sử dụng một mình.

Qua kiểm tra đối với bị cáo Trần Hoài N2, phát hiện, thu giữ 01 ống hút nhựa chứa tinh thể là ma túy. Phòng trọ của bị cáo N2, xác định là địa điểm bị cáo N2 cùng bị cáo S sử dụng ma túy, phát hiện, thu giữ: 01 nắp nhựa màu đỏ có gắn 01 đoạn ống hút nhựa trắng và 01 ống thủy tinh dính ma túy.

Kết luận giám định số 2082 ngày 24/01/2025 của Phòng K - Công an Thành phố H, kết luận: 02 gói được niêm phong bên ngoài có các chữ ký ghi tên Nguyễn Đức H2 (Điều tra viên) và hình dấu Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N, bên trong có:

- Gói 01: 01 đoạn ống nhựa màu trắng chứa tinh thể (ký hiệu mẫu m1) cần giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,0682g, loại Methamphetamine.

- Gói 02:

+ 01 ống thủy tinh dính chất nghi vấn là ma túy (ký hiệu mẫu m2) cần giám định không xác định được khối lượng, tìm thấy Methamphetamine ở dạng vết.

+ 01 gói nylon chứa tinh thể (ký hiệu mẫu m3) cần giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,2145g loại Methamphetamine.

Kết luận giám định số 2295 ngày 03/02/2025 của Phòng K - Công an Thành phố H, kết luận: Chất rắn dính trong 01 ống thủy tinh có đầu tròn được niêm phong bên ngoài có các chữ ký ghi tên Trần Văn D1 (Điều tra viên) và hình dấu Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N (ký hiệu mẫu m) cần giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,0298g, loại Methamphetamine.

Vật chứng của vụ án:

- Mẫu vật còn lại sau khi đã sử dụng phục vụ giám định được niêm phong có chữ ký của Giám định viên và Cán bộ điều tra gồm:

+ Gói 1: Tinh thể (m1) có khối lượng 0,0390g;

+ Gói 2: Mẫu m2 đã sử dụng hết; tinh thể (m3) có khối lượng 0,1653g.

- Mẫu vật còn lại sau khi đã sử dụng phục vụ giám định: Chất rắn (m) có khối lượng 0,0243g được niêm phong có chữ ký của Giám định viên và Cán bộ điều tra.

- Thu giữ của bị cáo Trần Hoài N2, gồm:

+ 01 nắp màu đỏ có gắn 01 đoạn ống hút bằng nhựa màu trắng;

+ 01 điện thoại hiệu OPPO;

+ 01 xe môtô biển số 60AH- 015.29 do chị Nguyễn Mai Thùy D2 mua đứng tên đăng ký sở hữu vào năm 2013. Sau đó, chị D2 đã bán lại xe trên cho Trần Hoài N2 nhưng không làm thủ tục mua bán. N2 sử dụng xe môtô biển số 60AH-015.29 làm phương tiện đi làm và đi mua ma túy.

- Thu giữ của bị cáo Trần Hoàng S1 01 điện thoại hiệu Samsung;

- Thu giữ của bị cáo Phạm Anh T3 và bị cáo Cao Thị Bé N: 01 chai nhựa có nắp màu đỏ gắn 01 đoạn ống hút nhựa; 01 chai nhựa có nắp màu xanh gắn 01 đoạn ống hút nhựa và 01 đoạn ống gỗ; 01 cái bật lửa; 01 đoạn ống hút có đầu nhọn; 01 cái kẹp bằng kim loại; 10 đoạn ống hút nhựa màu trắng; 16 vỏ túi nylon các loại và 100.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H đã chuyển những vật chứng trên đến Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 6, Thành phố Hồ Chí Minh để chờ xét xử.

Bản cáo trạng số 25/CT-VKS-KV6 ngày 24 tháng 10 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân Khu vực 6 đã truy tố các bị cáo:

Bị cáo Phạm Anh T3 và bị cáo Cao Thị Bé N về tội "mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và tội "tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Bị cáo Trần Hoài N2 và bị cáo Phạm Hoàng S về tội "tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, không tranh luận gì, bị cáo biết lỗi, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo Phạm Anh T3 và bị cáo Cao Thị Bé N về tội "mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và tội "tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Bị cáo Trần Hoài N2 và bị cáo Phạm Hoàng S về tội "tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Áp dụng Đ1 b Khoản 2 Điều 251, Điểm a Khoản 2 Điều 255, điểm s Khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 55, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Phạm Anh T3 từ 7 (bảy) năm 6 (sáu) tháng tù đến 8 (tám) năm 6 (sáu) tháng tù về tội "tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" và 7 (bảy) năm 6 (sáu) tháng tù đến 8 (tám) năm 6 (sáu) tháng tù về tội "mua bán trái phép chất ma túy". Tổng hợp hình phạt của hai tội từ 15 (mười lăm) năm đến 17 (mười bảy) năm tù.

2. Áp dụng Đ1 b Khoản 2 Điều 251, Điểm a Khoản 2 Điều 255, điểm s Khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 55, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Cao Thị Bé N từ 7 (bảy) năm 6 (sáu) tháng tù đến 8

(tám) năm 6 (sáu) tháng tù về tội "tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" và 7 (bảy) năm 6 (sáu) tháng tù đến 8 (tám) năm 6 (sáu) tháng tù về tội "mua bán trái phép chất ma túy". Tổng hợp hình phạt của hai tội từ 15 (mười lăm) năm đến 17 (mười bảy) năm tù.

3. Áp dụng Đ1 a Khoản 2 Điều 255; điểm s Khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Trần Hoài N2 từ 7 (bảy) năm 6 (sáu) tháng tù đến 8 (tám) năm 6 (sáu) tháng tù về tội "tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".

4. Áp dụng Đ1 a Khoản 2 Điều 255; điểm s Khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Phạm Hoàng S từ 7 (bảy) năm 6 (sáu) tháng tù đến 8 (tám) năm 6 (sáu) tháng tù về tội "tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".

5. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy đối với:

+ Mẫu vật còn lại sau khi đã sử dụng phục vụ giám định được niêm phong có chữ ký của Giám định viên và Cán bộ điều tra gồm: Gói 1: Tinh thể (m1) có khối lượng 0,0390g; Gói 2: Mầu m2 đã sử dụng hết; tinh thể (m3) có khối lượng 0,1653g.

+ Mẫu vật còn lại sau khi đã sử dụng phục vụ giám định: Chất rắn (m) có khối lượng 0,0243g được niêm phong có chữ ký của Giám định viên và Cán bộ điều tra.

+ 01 nắp màu đỏ có gắn 01 đoạn ống hút bằng nhựa màu trắng; 01 chai nhựa có nắp màu đỏ gắn 01 đoạn ống hút nhựa; 01 chai nhựa có nắp màu xanh gắn 01 đoạn ống hút nhựa và 01 đoạn ống gỗ; 01 cái bật lửa; 01 đoạn ống hút có đầu nhọn; 01 cái kẹp bằng kim loại; 10 đoạn ống hút nhựa màu trắng; 16 vỏ túi nylon các loại.

- Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước đối với: 01 xe môtô biển số 60AH-015.29 và 100.000đ.

- Trả lại cho bị cáo Trần Hoài N2 01 điện thoại hiệu OPPO;

- Trả lại cho bị cáo Trần Hoàng S1 01 điện thoại hiệu S2.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là Cơ quan Cảnh sát Điều tra - Công an Thành phố H), Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6), Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, các đương sự không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

[2] Tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra họ đã trình bày đầy đủ. Đồng thời, tại phiên tòa Kiểm sát viên, bị cáo cũng đề nghị xét xử vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Xét thấy, sự vắng mặt của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không gây trở ngại cho việc xét

xử vụ án. Do đó, căn cứ vào Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

[3] Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của bị cáo tại phiên tòa xét có đủ cơ sở để kết luận:

Căn cứ nội dung vụ án, tài liệu có trong hồ sơ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xác định:

Bị cáo Phạm Anh T3 sống chung như vợ chồng với bị cáo Cao Thị Bé N tại nhà của bị cáo T3, số: 17/7B, ấp C, xã P, huyện N (nay là xã N), Thành phố Hồ Chí Minh. Cả 02 đều là người sử dụng ma túy loại Methamphetamine và C. Bị cáo T3 và bị cáo N thỏa thuận mua ma túy đá về sử dụng và bán lại cho người khác kiếm lời. Khi cần mua ma túy đá, bị cáo T3 và bị cáo N đến khu vực cầu P, Quận G gặp người đàn ông tên B (không rõ nhân thân, lai lịch) mua ma túy đá. Mỗi lần, mua 01 gói ma túy đá với giá từ 200.000 đồng -300.000 đồng và thanh toán tiền mặt. Ma túy mua của B, bị cáo T3 và bị cáo N cùng nhau sử dụng và bán lại cho người khác kiếm lời. Quá trình mua bán trái phép chất ma túy, bị cáo T3 và bị cáo N đã bán cho bị cáo Trần Hoài N2 và bị cáo Phạm Hoàng S 02 lần vào ngày 09 và 12 tháng 01 năm 2025, mỗi lần 01 gói ma túy với giá 200.000 đồng; bán riêng cho N2 02 lần vào ngày 15 và 16 tháng 01 năm 2025, mỗi lần 01 gói ma túy với giá 200.000 đồng.

Ngoài ra, bị cáo T3 và bị cáo N còn cùng nhau sử dụng ma túy tại chỗ ở nhiều lần. Ma túy do bị cáo T3 và bị cáo N cùng nhau đi mua, bị cáo N bỏ ma túy vào nỏ đốt lên để bị cáo N và bị cáo T3 sử dụng; dụng cụ sử dụng ma túy do bị cáo N tự chế; ma túy để sẵn trên nỏ và ai sử dụng thì tự lấy.

Bị cáo N2 và bị cáo S đã 02 lần cùng nhau đi mua ma túy của bị cáo T3 và bị cáo N mang về phòng trọ của bị cáo N2 sử dụng vào ngày 09 và 12 tháng 01 năm 2025. Bị cáo Trần Hoài N2 còn một mình đi mua ma túy của bị cáo T3 và bị cáo N 02 lần sử dụng một mình.

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong giai đoạn điều tra, phù hợp với biên bản kiểm tra hành chính, biên bản khám xét, biên bản thu giữ vật chứng, kết luận giám định của Phòng K Công an Thành phố H, cũng như lời khai của những người có liên quan. Các chứng cứ trên được thu thập hợp pháp, có giá trị chứng minh trong vụ án.

[4]. Nhận định về tội danh đối với từng nhóm bị cáo:

* Đối với bị cáo Phạm Anh T3 và bị cáo Cao Thị Bé N

Hội đồng xét xử xét thấy, các bị cáo Phạm Anh T3 và bị cáo Cao Thị Bé N đều là người đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi mua bán trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện.

Qua các lần giao dịch vào các ngày 09, 12, 15 và 16 tháng 01 năm 2025, có đủ cơ sở xác định các bị cáo đã thực hiện hành vi mua ma túy về cất giữ và bán lại cho người khác từ hai lần trở lên, mỗi lần bán đều có việc giao ma túy và nhận tiền trực tiếp. Hành vi mua bán trái phép chất ma túy đã hoàn thành độc lập ở từng lần giao dịch, không phụ thuộc vào việc bị phát hiện hay chưa.

Ngoài ra, bị cáo T3 và bị cáo N còn cùng nhau sử dụng ma túy tại chỗ ở nhiều lần. Ma túy do bị cáo T3 và bị cáo N cùng nhau đi mua, bị cáo N bỏ ma túy vào nỏ đốt lên để bị cáo N và bị cáo T3 sử dụng; dụng cụ sử dụng ma túy do bị cáo N tự chế; ma túy để sẵn trên nỏ và ai sử dụng thì tự lấy.

Giữa bị cáo Phạm Anh T3 và bị cáo Cao Thị Bé N có sự thống nhất ý chí, cùng tham gia vào quá trình mua, cất giữ, bán ma túy và sử dụng ma túy, do đó đây là đồng phạm giản đơn, mỗi bị cáo đều giữ vai trò người thực hành.

Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm nghiêm trọng đến chính sách quản lý độc quyền của Nhà nước về các chất ma túy, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội.

Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Hành vi trên đây của bị can Phạm Anh T3 và Cao Thị Bé N đã phạm vào tội "mua bán trái phép chất ma túy", thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên và tội "tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy", thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 và điểm a khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, đúng như nội dung truy tố của Viện kiểm sát.

* Đối với bị cáo Trần Hoài N2 và bị cáo Phạm Hoàng S

Đối với bị cáo Trần Hoài N2 và bị cáo Phạm Hoàng S, Hội đồng xét xử xét thấy: sau khi mua ma túy từ bị cáo Phạm Anh T3 và bị cáo Cao Thị Bé N vào các ngày nêu trên, hai bị cáo đã chủ động chuẩn bị địa điểm, dụng cụ và tổ chức cho nhau cùng sử dụng trái phép chất ma túy tại phòng trọ.

Việc các bị cáo cùng nhau mua ma túy, cùng tổ chức sử dụng 02 lần, thể hiện rõ vai trò tổ chức, không đơn thuần là hành vi sử dụng cá nhân.

Hành vi của bị cáo Trần Hoài N2 và bị cáo Phạm Hoàng S đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Do đó, Bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố hành vi nêu trên của các bị cáo:

Bị cáo Phạm Anh T3 và bị cáo Cao Thị Bé N về tội "mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và tội "tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ.

Bị cáo Trần Hoài N2 và bị cáo Phạm Hoàng S về tội "tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ.

[5] Về các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[6] Xử lý vật chứng:

- Mẫu vật còn lại sau khi đã sử dụng phục vụ giám định được niêm phong có chữ ký của Giám định viên và Cán bộ điều tra gồm:

+ Gói 1: Tinh thể (m1) có khối lượng 0,0390g;

+ Gói 2: Mầu m2 đã sử dụng hết; tinh thể (m3) có khối lượng 0,1653g.

- Mẫu vật còn lại sau khi đã sử dụng phục vụ giám định: Chất rắn (m) có khối lượng 0,0243g được niêm phong có chữ ký của Giám định viên và Cán bộ điều tra.

- 01 nắp màu đỏ có gắn 01 đoạn ống hút bằng nhựa màu trắng; 01 chai nhựa có nắp màu đỏ gắn 01 đoạn ống hút nhựa; 01 chai nhựa có nắp màu xanh gắn 01 đoạn ống hút nhựa và 01 đoạn ống gỗ; 01 cái bật lửa; 01 đoạn ống hút có đầu nhọn; 01 cái kẹp bằng kim loại; 10 đoạn ống hút nhựa màu trắng; 16 vỏ túi nylon các loại.

Đối với những vật chứng trên là ma túy, công cụ phạm tội, hiện không còn giá trị sử dụng, tịch thu tiêu hủy.

- Thu giữ của Cao Thị Bé N 100.000đ. Đây là công cụ, phương tiện phạm tội, tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước.

- Thu giữ của Trần Hoài N2, gồm:

+ 01 điện thoại hiệu OPPO. Do không liên quan đến hành vi phạm tội, trả lại cho bị cáo.

+ 01 xe môtô biển số 60AH- 015.29. Do N2 sử dụng làm phương tiện đi làm và đi mua ma túy, tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước.

- Thu giữ của Trần Hoàng S1 01 điện thoại hiệu S2. Do không liên quan đến hành vi phạm tội, trả lại cho bị cáo.

[7] Về xem xét vai trò, trách nhiệm của các đối tượng có liên quan trong vụ án:

- Đối với Nguyễn Can Đ không có căn cứ xác định là đồng phạm với Phạm Anh T3. Tuy nhiên, qua xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể thì Nguyễn Can Đ dương tính với chất ma túy. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Đ và thông báo về địa phương để quản lý là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không xét.

- Đối với người đàn ông tên B đã bán ma túy cho bị cáo Phạm Anh T3 và bị cáo Cao Thị Bé N. Do không rõ nhân thân, lai lịch, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý sau, đủ căn cứ sẽ xử lý sau nên Hội đồng xét xử không xét.

[8] Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng Đ1 b Khoản 2 Điều 251, Điểm a Khoản 2 Điều 255, Điểm s Khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 55, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Phạm Anh T3 7 (bảy) năm 6 (sáu) tháng tù về tội "mua bán trái phép chất ma túy" và 7 (bảy) năm 6 (sáu) tháng tù về tội "tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy". Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 15 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 26/01/2025.

2. Áp dụng Đ1 b Khoản 2 Điều 251, Điểm a Khoản 2 Điều 255, Điểm s Khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 55, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Cao Thị Bé N 7 (bảy) năm 6 (sáu) tháng tù về tội "mua bán trái phép chất ma túy" và 7 (bảy) năm 6 (sáu) tháng tù về tội "tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy". Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 15 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 26/01/2025.

3. Áp dụng Đ1 a Khoản 2 Điều 255, Điểm s Khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Trần Hoài N2 7 (bảy) năm 6 (sáu) tháng tù về tội "tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy". Thời hạn tù tính từ ngày 26/01/2025.

4. Áp dụng Đ1 a Khoản 2 Điều 255, Điểm s Khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Phạm Hoàng S 7 (bảy) năm 6 (sáu) tháng tù về tội "tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy". Thời hạn tù tính từ ngày 26/01/2025.

5. Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu tiêu hủy đối với:

+ Mẫu vật còn lại sau khi đã sử dụng phục vụ giám định được niêm phong có chữ ký của Giám định viên và Cán bộ điều tra gồm: Gói 1: Tinh thể (m1) có khối lượng 0,0390g; Gói 2: Mầu m2 đã sử dụng hết; tinh thể (m3) có khối lượng 0,1653g.

+ Mẫu vật còn lại sau khi đã sử dụng phục vụ giám định: Chất rắn (m) có khối lượng 0,0243g được niêm phong có chữ ký của Giám định viên và Cán bộ điều tra.

+ 01 nắp màu đỏ có gắn 01 đoạn ống hút bằng nhựa màu trắng; 01 chai nhựa có nắp màu đỏ gắn 01 đoạn ống hút nhựa; 01 chai nhựa có nắp màu xanh gắn 01 đoạn ống hút nhựa và 01 đoạn ống gỗ; 01 cái bật lửa; 01 đoạn ống hút có đầu nhọn; 01 cái kẹp bằng kim loại; 10 đoạn ống hút nhựa màu trắng; 16 vỏ túi nylon các loại.

- Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước đối với: 01 xe môtô biển số 60AH-015.29 và 100.000đ.

- Trả lại cho bị cáo Trần Hoài N2 01 điện thoại hiệu OPPO;

- Trả lại cho bị cáo Trần Hoàng S1 01 điện thoại hiệu S2.

(theo Quyết định chuyển vật chứng số 22/QĐ-VKS.KV6 ngày 24/10/2025 của Viện kiểm sát nhân nhân Khu vực 6, Thành phố Hồ Chí Minh)

6. Căn cứ vào Điều 135 và Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Mỗi bị cáo phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

7. Về quyền và nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

8. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt bản án.

Nơi nhận:
-TAND Tp.HCM;
- VKSND Khu vực 6;
- VKSND TP.HCM;
- Công an Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Thành

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

phố Hồ Chí Minh – Phòng thi hành án dân sự Khu vực 6;
- Sở Tư pháp Tp.HCM;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HS (TK Thúy).

TAND QUẬN 7

JOQ040425.TL.QDBA 925

Trần Thị Xuân Duyên